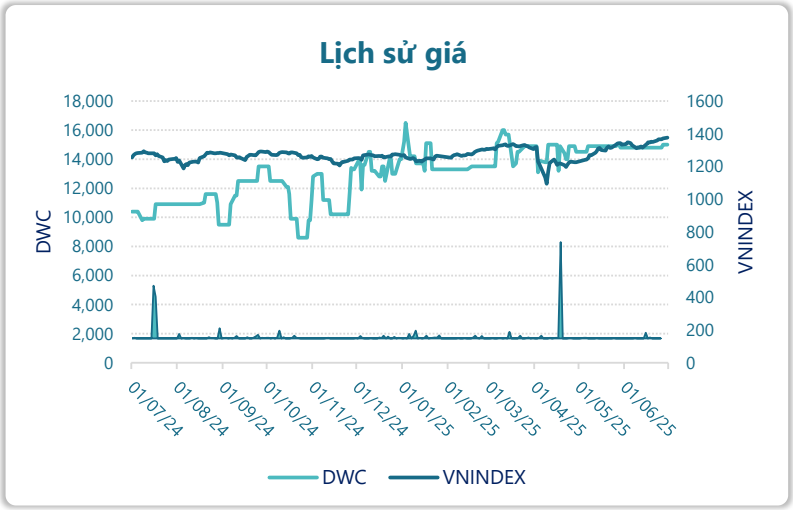
FireAnt

CTCP Cấp nước Đắk Lắk (UPCOM: DWC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,600
SL cổ phiếu LH	31,520,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,980
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	473
P/E	7.3
EPS	2,068

DT thuần

Q2/25

87.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.70| 12.4%

YoY: ▲ 9.80| 12.5%

LN sau thuế

Q2/25

23.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.3| 127%

YoY: ▲ 11.8| 98.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

26.0%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

6T 2025

166

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.0| 13.8%

LN sau thuế

6T 2025

34.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.0| 87.7%

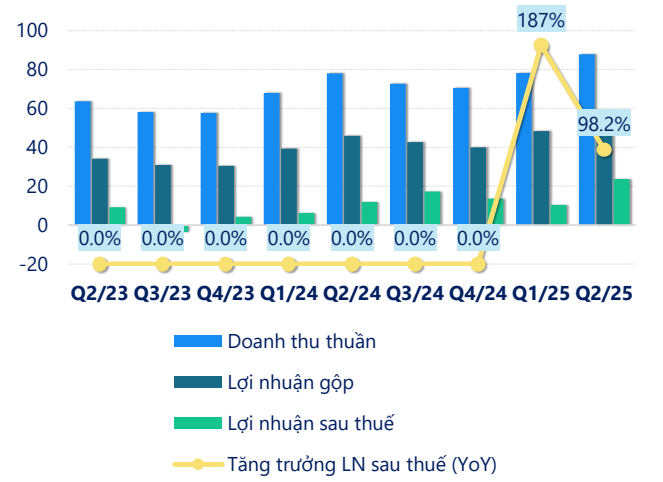
ROE

Q2/25

17.9%

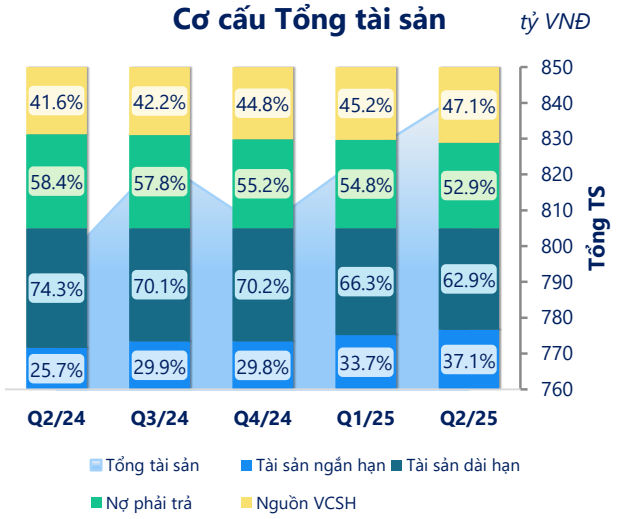
+/- YoY: ▲ 12.0%

Kết quả kinh doanh



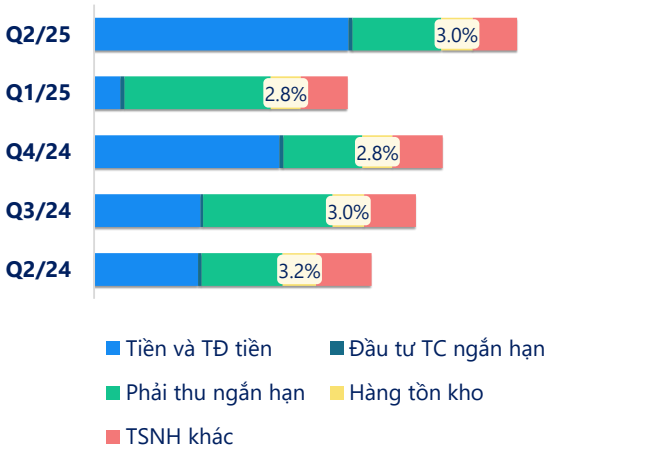
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



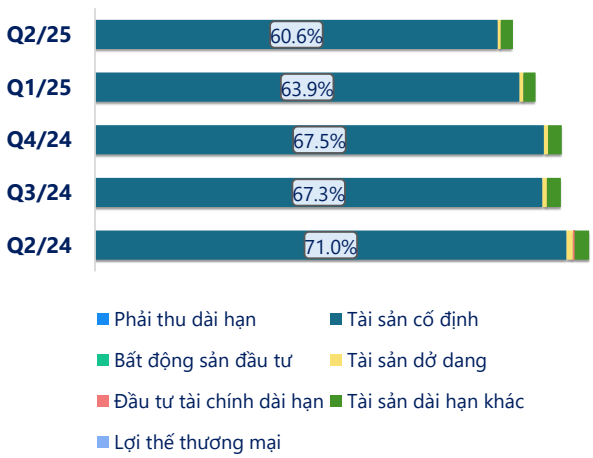
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



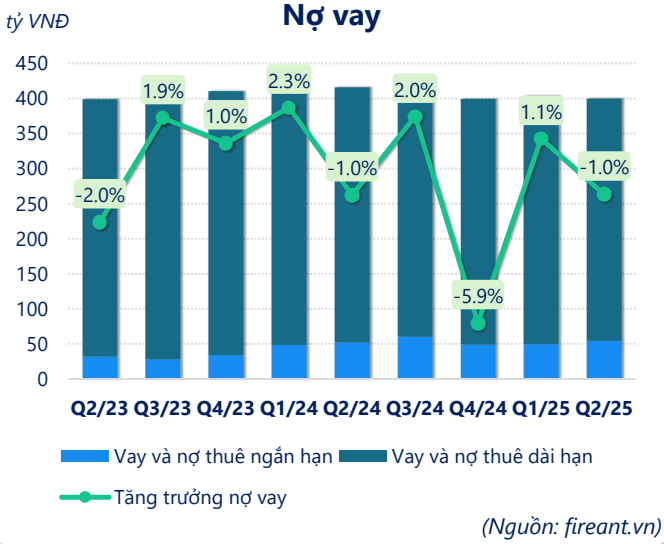
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



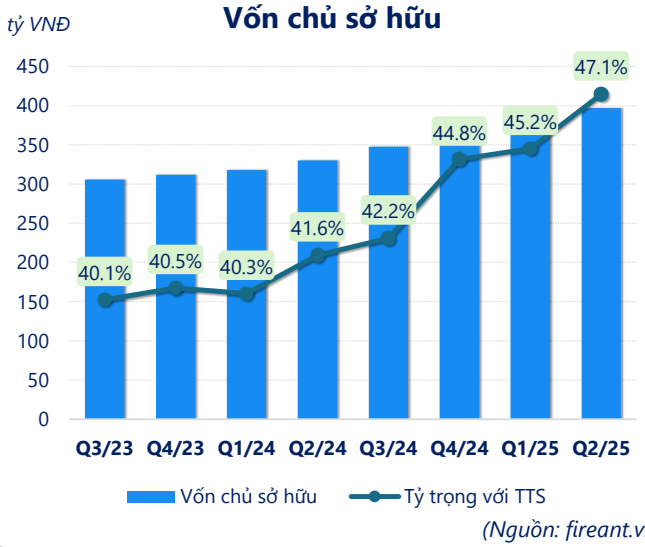
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



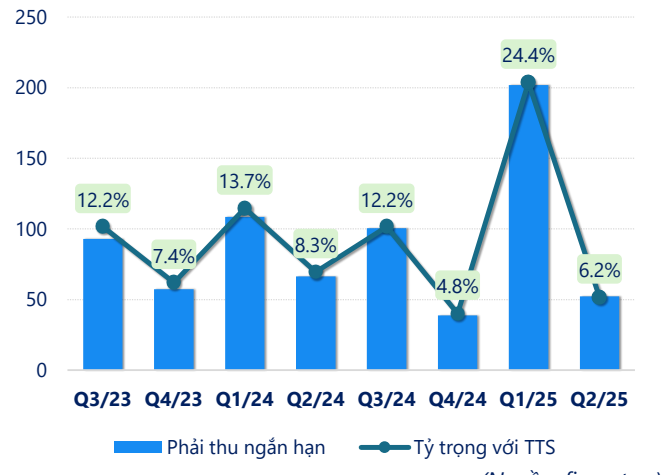
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



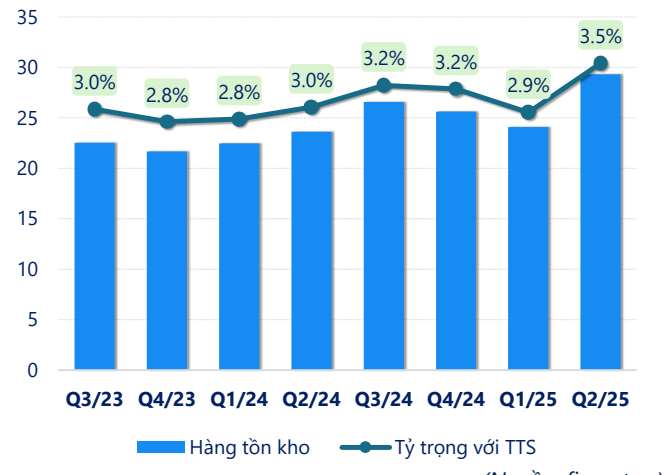
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



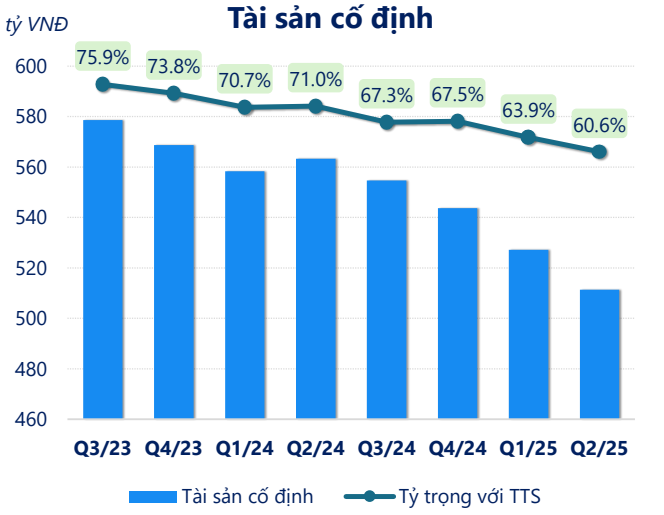
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



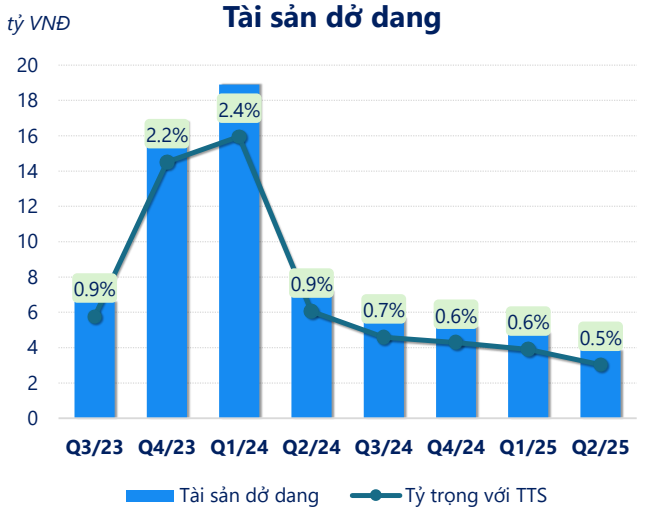
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



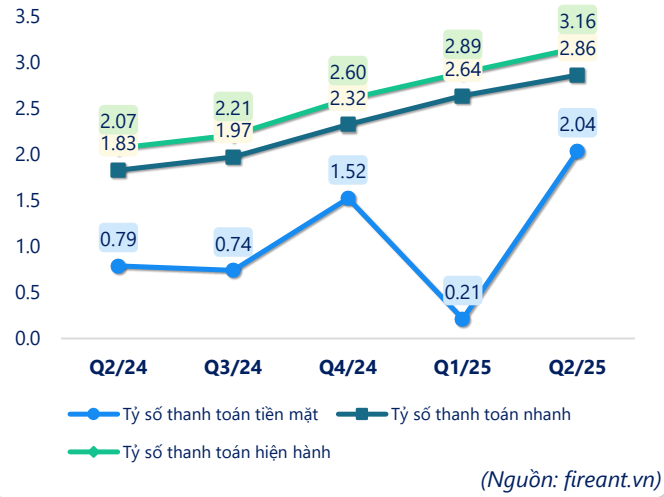
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



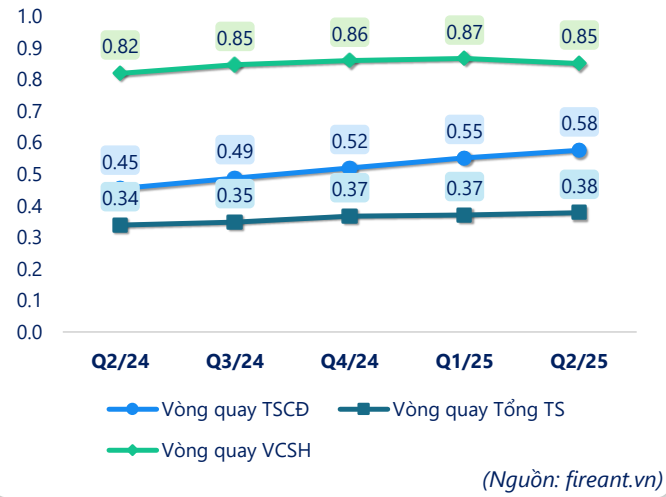
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**794**	**824**	**805**	**826**	**844**
Tài sản ngắn hạn	**204**	**246**	**240**	**278**	**313**
Tiền và tương đương tiền	77.7	82.4	140	20.5	202
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.00	5.25	5.25	5.25	5.25
Phải thu ngắn hạn	66.2	100	38.7	202	52.2
Hàng tồn kho	23.6	26.6	25.6	24.1	29.3
Tài sản ngắn hạn khác	33.2	31.8	29.8	26.8	24.4
Tài sản dài hạn	**590**	**578**	**565**	**547**	**531**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	563	555	544	527	511
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.20	5.67	5.17	4.83	3.84
Đầu tư tài chính dài hạn	2.25	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	17.3	17.3	16.5	15.2	15.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**464**	**477**	**444**	**452**	**447**
Nợ ngắn hạn	**98.4**	**111**	**92.0**	**96.4**	**99.1**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	52.2	60.5	49.0	49.7	54.3
Phải trả người bán ngắn hạn	9.53	9.04	7.01	4.49	7.13
Nợ dài hạn	365	365	352	356	348
Vay và nợ thuê dài hạn	364	364	350	354	346
Nguồn vốn chủ sở hữu	**330**	**347**	**361**	**373**	**397**
Vốn chủ sở hữu	**330**	**347**	**361**	**373**	**397**
Vốn điều lệ	315	315	315	315	315
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)